

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/KDTM-ST
Ngày: 31 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tân Quang
- Bà Lê Thị Mỹ Cẩm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thùy Dương – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 9/2021/TLST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST - KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở: X, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ liên hệ: Ngân hàng N – Chi nhánh Y: Đường U, Phường N1, Quận O, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH E; trụ sở: Đường L, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Phước B – Giám đốc; địa chỉ: Ấp 3, xã Q, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm V – sinh năm 1993; địa chỉ: Đường Y, phường R, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng N trình bày: Ngân N (sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty TNHH E (sau đây gọi là bị đơn) có ký hợp đồng tín dụng số 6420LAV201800x ngày 05/12/20x với những nội dung chính như sau: Tổng hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi trong hạn 8,5%/năm, lãi quá hạn 12,75%/năm, thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, nguyên đơn đã thực hiện giải ngân đủ số tiền 100.000.000.000 đồng theo các báo cáo đề xuất

giải ngân tương ứng với các giấy nhận nợ số: 6420-LDS-2018 01934 (số tiền 20.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01935 (số tiền 20.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01936 (số tiền 10.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01938 (số tiền 21.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01940 (số tiền 19.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01943 (số tiền 10.000.000.000 đồng) cùng ngày 05/12/2018.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Phạm V đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số x (số mới 25) tờ bản đồ số x (số mới: 25); địa chỉ: xã I, thị xã A, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 516X, số vào sổ cấp GCN H 01X do Ủy ban nhân dân Thị xã A, tỉnh Long An cấp ngày 21/01/200x theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6420 LCP 20x 00x ngày 04/12/20x.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn có thanh toán được số tiền gốc 2 lần : lần 1 ngày 28/01/2022 số tiền 10.129.605.315 đồng và lần 2 ngày 17/02/2022 số tiền 660.000 đồng.

Đến thời điểm hiện nay, dù đã hết thời hạn hợp đồng tín dụng nhưng phía bị đơn chưa thanh toán hết số tiền gốc, nợ lãi dù nguyên đơn đã hiệu lần liên hệ, nhắc nhở. Tính đến ngày 31/05/2023, bị đơn còn thiếu tổng số tiền: 138.778.378.428 đồng, gồm: Nợ gốc: 89.869.734.685 đồng; lãi trong hạn: 33.591.607.244 đồng, lãi quá hạn: 15.317.036.499 đồng

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu :

- Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 01/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn.

- Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp thuộc sở hữu của ông Phạm V như đã nêu trên.

- Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì bị đơn có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Nguyên đơn hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AI 516X, số vào sổ cấp GCN H 01X do Ủy ban nhân dân Thị xã A, tỉnh Long An cấp ngày 21/01/200x.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử,

sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng hạn mức cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, đây là tranh chấp phát sinh nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đã hình thành quan hệ pháp luật Kinh doanh thương mại. Do bị đơn có trụ sở hoạt động tại quận Tân Bình nên Tòa án Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc đưa người tham gia tố tụng: Do ông Phạm V là bên bảo lãnh để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn nên cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về sự có mặt của Viện kiểm sát: Do Tòa án tiến hành ủy thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ đối với bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này theo quy định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn thiếu 89.869.734.685 đồng đồng: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng hạn mức số 6420LAV201800x ngày 05/12/20x các bên đã ký là tự nguyện thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc là 100.000.000.000 đồng thể hiện tại các giấy nhận nợ số: 6420-LDS-2018 01934 (số tiền 20.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01935 (số tiền 20.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01936 (số tiền 10.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01938 (số tiền 21.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01940 (số tiền 19.000.000.000 đồng), 6420-LDS-2018 01943 (số tiền 10.000.000.000 đồng) cùng ngày 05/12/2018.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn trả được số tiền 10.129.605.315 đồng vào ngày 28/01/2022, lần 2 ngày 17/02/2022 số tiền 660.000 đồng và đã được nguyên đơn trừ vào số tiền gốc. Thời điểm hiện nay, tuy đã hết thời hạn vay nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán hết khoản tiền gốc là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Tuy những lời trình bày này chỉ từ một phía bên nguyên đơn nhưng bị đơn dù đã được tòa thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ

quá trình tố tụng của vụ án theo quy định tại trụ sở kinh doanh, địa chỉ cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện từ bỏ nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc như trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về khoản tiền lãi: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, bản kê chi tiết tính lãi và lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay một lần số tiền tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31/5/2023 là 48.908.643.743 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/6/2023 cho đến khi bị đơn thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên có cơ sở chấp nhận theo các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thấy: Việc thế chấp tài sản được các bên thực hiện theo quy định và đã được đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố A, tỉnh Long An lúc 11 giờ 33 phút, ngày 04/12/201x, quyển số 08, số thứ tự 0090x là đúng quy định nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã ghi nhận hiện trạng thực tế, vị trí thửa đất không có sự thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm V là người dùng tài sản của mình thế chấp cho khoản vay của bị đơn dù đã được triệu tập hợp lệ và được tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ nhưng vẫn không có ý kiến cũng như không đưa ra yêu cầu độc lập gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Do nguyên đơn hiện giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tài sản thế chấp nên có nghĩa vụ hoàn trả cho ông V ngay sau khi bị đơn thanh toán hết các khoản tiền nêu trên.

[2.4] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn đã tạm ứng là 5.000.000 đồng: Do việc xem xét thẩm định tại chỗ được thực hiện để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn và do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại toàn bộ chi phí này cho nguyên đơn.

[2.5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng N.

1.1. Công ty TNHH E có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 31/5/2023 là: 138.778.378.428 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi tám đồng), gồm: Nợ gốc: 89.869.734.685 đồng (Tám mươi chín tỷ tám trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng); lãi trong hạn: 33.591.607.244 đồng (Ba mươi ba tỷ năm trăm chín mươi một triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn hai trăm bốn mươi bốn đồng), lãi quá hạn: 15.317.036.499 đồng (Mười lăm tỷ ba trăm mười bảy triệu không trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày 01/6/2023, Công ty TNHH E phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nêu trên. Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH E phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Ngay sau khi Công ty TNHH E thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng N thực hiện xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông Phạm V các giấy tờ sau: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AI 516X, sổ vào sổ cấp GCN H 01X do Ủy ban nhân dân Thị xã A, tỉnh Long An cấp ngày 21/01/200x.

1.4. Đến hạn trả nợ, Công ty TNHH E không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, Ngân hàng E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 6420LAV201800x ngày 04/12/201x, số công chứng 73x, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng M, tỉnh Long An.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng N thì Công ty TNHH E có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Nếu sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty TNHH E đối với Ngân hàng N thì Ngân hàng N phải hoàn trả phần giá trị còn lại cho ông Phạm V.

1.5. Công ty TNHH E có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng N chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã thực hiện là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH E chịu án phí kinh doanh sơ thẩm là 246.778.378 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi tám đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã đóng là 112.307.877 đồng (Một trăm mười hai triệu ba trăm lẻ bảy ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0069135 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo